

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2023

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đức Minh;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yên– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Phú C, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 22/12/2022 và quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Phú C chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 27/12/2004 tại UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, trong những năm gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông C thường xuyên ăn nhậu, uống rượu bia rồi về quậy phá, đánh đập vợ con. Từ tháng 9 năm 2022 đến nay, bà T và ông C đã không còn chung sống cùng với nhau, bà T cùng 02 con về nhà chị ruột và mẹ ruột tại ấp H1, xã M, huyện D để sinh sống, ông C vẫn sinh sống tại Ấp H, xã M, huyện D. Hiện nay, bà T thấy rằng đã không còn tình cảm với ông C, vợ chồng đã không còn chung sống cùng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Giữa bà T và ông C có 02 con chung tên Đỗ Anh K, sinh ngày 10/9/2005 và Đỗ Anh T1, sinh ngày 25/6/2012. Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2022, bà T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Anh T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng đối với con chung Đỗ Anh K. Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 29/3/2023, bà T thay đổi ý kiến về phần cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà T cung cấp: 01 đơn xin ly hôn ngày 22/12/2022; bản sao căn cước công dân; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao trích lục kết hôn; 02 bản sao giấy khai sinh; đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ; đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải ngày 03/02/2023; bản tự khai ngày 22/12/2022 và ngày 17/01/2023; Văn bản trình bày ý kiến ngày 29/3/2023.

Quá trình tiến hành tố tụng, tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2023, bị đơn ông C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà T chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong đời sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C hay uống rượu, bia, hay chơi bi da, vợ chồng thường hay cãi lộn, chửi bới nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay hai vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, ông C sống tại nhà của hai vợ chồng tại Ấp H, xã M, huyện D, bà T cùng 02 con đến nhà mẹ vợ là bà Nguyễn Thị T2 tại ấp Hoà Hiệp, xã M, huyện D để sinh sống khoảng 05 tháng nay. Bà T yêu cầu được ly hôn thì ông C không đồng ý do ông C vẫn còn tình cảm, vẫn còn thương yêu bà T. Ông C hứa sẽ thay

đổi tính tình, thương yêu vợ con, không uống rượu, bia, chơi bi da, hứa cùng bà T xây dựng gia đình hạnh phúc.

Về con chung: Giữa bà T và ông C có 02 con chung tên Đỗ Anh K, sinh ngày 10/9/2005 và Đỗ Anh T1, sinh ngày 25/6/2012. Các con chung đang do bà T nuôi dưỡng, do không đồng ý việc ly hôn nên về con chung ông C không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bị đơn ông C cung cấp: Không.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2023, bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1955 có địa chỉ tại ấp H, xã M, huyện D trình bày: Bà T2 có mối quan hệ là mẹ ruột của bà T, là mẹ vợ của ông C. Do ông C không chăm lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường cự cãi lẫn nhau. Ông C thường xuyên uống rượu, bia, đánh chửi vợ con. Từ tháng 9 năm 2022 đến nay, bà T cùng 02 con đến nhà bà T2 tại ấp H, xã M, huyện D để sinh sống, ông C vẫn sinh sống tại Ấp H, xã M, huyện D. Cả ông C và bà T hiện nay đều có nghề nghiệp là làm thuê tại xã M, huyện D, thu nhập hàng tháng là không ổn định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với ông Đỗ Phú C. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông Đỗ Phú C cư trú tại ấp Hoà Hiệp, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện D nên mối quan hệ hôn nhân được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hoà giải được với nhau. Trong đời sống chung, bà T và ông C thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C hay uống rượu, bia, hay chơi bi da, vợ chồng thường hay cãi lộn, chửi bới nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, bà T và ông C không còn chung sống cùng nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông C theo quy định tại các Điều 19 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Giữa bà T và ông C có 02 con chung tên Đỗ Anh K, sinh ngày 10/9/2005 và Đỗ Anh T1, sinh ngày 25/6/2012. Xét thấy, các con chung hiện đang do bà T nuôi dưỡng, chăm sóc và đều có nguyện vọng được ở với bà T nên việc giao cháu Đỗ Anh K và Đỗ Anh T1 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con, đây là ý kiến tự nguyện của đương sự và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự được quyền khởi kiện tại một vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung.

[4] Ý kiến trình bày của bị đơn ông C là không phù hợp, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng, diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đỗ Phú C, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đỗ Phú C.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung tên Đỗ Anh K, sinh ngày 10/9/2005 và Đỗ Anh T1, sinh ngày 25/6/2012 cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0011310 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà T đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M(100.2004);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng

